

Bản án số: 50/2025/HS-ST
Ngày 21-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Lê Bá Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn L, sinh năm 1991 tại Đắc Lắc; nơi cư trú: thôn 21, xã E, huyện S, tỉnh Đắc Lắc; nghề nghiệp: làm hồ; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D và bà Phùng Thị P1; có vợ tên Lương Thị T1 và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Minh P, sinh năm 1997 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Mai Thị Mỹ Ch; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 12/8/2019, Công an xã T3, huyện V1, thành phố Cần Thơ xử phạt Lê Minh P số tiền 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0010539/QĐ-XPHC ngày 12/8/2019 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Đã nộp phạt 750.000 đồng ngày 13/8/2019).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1979; thường trú: thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: nhà trọ Nguyễn Văn S1, khu phố 4, phường V2, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 2, xã M, huyện Đ (nay là huyện Đ1), tỉnh Lâm Đồng; có đơn xin vắng mặt.
2. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn 21, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk (vợ của bị cáo Vũ Văn L); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn L và Lê Minh P quen biết nhau. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/10/2024, L điều khiển xe mô tô biển số 47P1-253.57 từ phòng trọ thuộc khu phố Z, phường R, thành phố C, tỉnh Bình Dương đi tìm người bạn ở phường N, thành phố T. Khi đến khu vực lô cao su thuộc khu phố 4, phường V2, thành phố T, L dừng xe và vào bên trong lô cao su để đi vệ sinh. Lúc này, L thấy xe 49M1-160.47 của ông Nguyễn Văn X đang đỗ trong lô cao su nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Do đó, L đẩy xe 49M1-160.47 giấu vào bụi cỏ rồi quay về phòng trọ. L gọi điện thoại cho bạn tên L1 (không rõ lai lịch) nhờ L1 chở đi công việc nhưng L1 bận nên bảo để nhờ P chở đi. Khoảng 17 giờ 15 phút, L điều khiển xe mô tô biển số 47P1-253.57 đến phòng trọ của L1 để đón P. Trên đường đi, L nói cho P biết việc trộm xe và giấu tại lô cao su, đồng thời rủ P đi lấy xe bán chia nhau tiêu xài, P đồng ý. Khi đến nơi, L kêu P điều khiển xe của L về trước. L dùng dao và tua vít mang theo mở ổ khóa xe mô tô 49M1-160.47 nhưng không được nên điện thoại bảo P quay lại để đẩy xe nhưng P không nghe máy. Do đó, L bỏ xe lại và mang biển số xe vừa tháo được vứt cách đó khoảng 10m, ném bỏ tua vít và đi bộ ra đường.

Khoảng 21 giờ 00 phút, P điện thoại lại cho L, cả hai hẹn tại vị trí giấu xe mô tô. Sau đó, P vừa điều khiển xe mô tô 47P1- 253.57 vừa dùng chân phải đẩy xe mô tô 49M1-160.47 do L điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai về đến khu vực phường Q thì bị lực lượng Công an phường Q, thành phố C dừng xe kiểm tra rồi đưa về trụ sở làm việc. Qua làm việc, L và P đã khai nhận hành vi phạm tội. Công an phường Q tiến hành bàn giao hai bị cáo cùng tang vật cho Công an phường V2, thành phố T giải quyết theo thẩm quyền.

Công an phường V2 tạm giữ đồ vật liên quan gồm: 01 xe mô tô biển số 49M1-160.47; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng; 01 xe mô tô biển số 47P1- 253.57; 01 con dao thái lan, cán vàng, dài 21cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, cán dao bọc nhựa màu vàng dài 9.5cm (do Vũ Văn L giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu Poco, màu xanh (do Lê Minh P giao nộp).

Kết luận định giá tài sản số 193/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Xe mô tô biển số 49M1-160.47 trị giá 8.667.000 đồng.

Xe mô tô biển số 49M1-160.47 do ông Phạm Văn S đứng tên đăng ký xe. Năm 2018, ông S bán xe này cho ông Trần Văn T4. Ông Toàn khai năm 2018 có mua xe của ông S nhưng đã bán cho một người (không rõ lai lịch). Ông Nguyễn Văn X khai mua xe mô tô này của người đàn ông vào năm 2018 nhưng không làm thủ tục sang tên theo quy định. Kết quả tra cứu xe không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 25/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng số 3764 trả lại xe cho ông X.

Kết quả điều tra xác định xe mô tô biển số 47P1-253.57 do bà Lương Thị T1 (vợ của bị cáo Vũ Văn L) đứng tên đăng ký xe vào khoảng tháng 01/2020. Việc bị cáo L sử dụng xe vào việc phạm tội bà T1 không biết.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn X đã nhận lại xe mô tô biển số 49M1-160.47 nên không yêu cầu bồi thường gì.

Bản Cáo trạng số 63/CT-VKSTU ngày 05/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Vũ Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Minh P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh P từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan cán vàng dài 21cm, mũi nhọn, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, cán bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, điện thoại di động hiệu Poco màu xanh và xe mô tô biển số 47P1-253.57.

Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn X thống nhất nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo, ông đã nhận lại xe nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn S trình bày xe mô tô biển số 49M1-160.47 do ông S đứng tên đăng ký chủ sở hữu, nhưng đã bán, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Lương Thị T1 (vợ của bị cáo Vũ Văn L) đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe biển số 47P1-253.57.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại ông Nguyễn Văn X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn S có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn X, ông Phạm Văn S. Do đó, việc vắng mặt ông X và ông S không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 09/10/2024, tại phường V2, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Vũ Văn L có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 49M1-160.47 của bị hại Nguyễn Văn X có giá trị là 8.667.000 đồng. Lê Minh P biết xe này là do L trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý giúp L lấy xe tìm nơi tiêu thụ. Do đó, hành vi của bị cáo Vũ Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Lê Minh P đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo đã thực hiện trong vụ án này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy nên mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo Vũ Văn L là phù hợp, còn đối với bị cáo P có nhân thân xấu nên phải có hình phạt cao hơn mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị mới phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: con dao thái lan là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng và điện thoại di động hiệu Poco màu xanh là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Xe mô tô biển số 47P1-253.57 tuy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L và bà T1, nhưng bị cáo L sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Lê Minh P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2024.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh P 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2024.

2. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan, cán vàng, dài 21cm, mũi nhọn, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, cán bọc nhựa màu vàng dài 9,5cm;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Poco màu xanh và 01 xe mô tô biển số 47P1-253.57, màu sơn xanh, đen; số máy: JA36E-0828795; số khung RLHJA3642KY046396.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo Vũ Văn L và bị cáo Lê Minh P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí